

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ GIÁO LÍ, GIÁO LUẬT VÀ LỄ NGHI CỦA PHẬT GIÁO HÒA HẢO

BÙI VĂN HẢI^(*)

Phật giáo Hòa Hảo ra đời năm 1939 ở tỉnh Châu Đốc, nay là tỉnh An Giang, nhằm đáp ứng nhu cầu tôn giáo của một bộ phận người nông dân Nam Bộ lúc bấy giờ. Trước đây và ở cả thời kì trước và sau ngày Miền Nam giải phóng, đã có không ít người cho rằng, nó không phải là tôn giáo, mà là một “tổ chức chính trị trá hình”, “lấy đạo tạo đời”. Bởi thế, phải đến năm 1999, Phật giáo Hòa Hảo mới được công nhận tư cách pháp nhân với đầy đủ các yếu tố cấu thành của một tôn giáo. Bài viết này chỉ mong được giới thiệu tới bạn đọc đôi nét về giáo lí, giáo luật và lễ nghi của Phật giáo Hòa Hảo, một tôn giáo nội sinh nằm trong hệ thống tôn giáo của nước ta hiện nay.

1. Giáo lí của Phật giáo Hòa Hảo

Giáo lí của Phật giáo Hòa Hảo thể hiện trong tập sách *Sám giảng* của Đức Huỳnh Giáo chủ do Ban trị sự Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, Ban Phó truyền giáo lí và Nhà xuất bản Tôn giáo ấn hành tại Hà Nội năm 2004. Tập sách này chia làm 2 phần *sám giảng* và *thi văn*, nội dung gồm các mục: Sám giảng; Những điều sơ lược cần biết của kẻ tu hành; Luận về tam nghiệp; Luận về bát chánh; Cách thờ phượng, hành lễ và sự ăn ở của người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo;

Sự cúng lạy của một cư sĩ tại gia; Lời khuyên bốn đạo.

Phần *sám giảng* được coi là phần nói về giáo lí Phật giáo Hòa Hảo có tính chất sám truyền của Huỳnh Phú Sổ, gồm 6 quyển:

Quyển 1: Với tựa đề “*Khuyên người đời tu niệm*” gồm: 912 câu thơ được viết vào năm 1939, sau khi Huỳnh Phú Sổ làm lễ khai đạo. Nội dung quyển này, Huỳnh Phú Sổ tiên tri về thời vận, từ đó khuyên mọi người trở về con đường tu hành chân chính.

Quyển 2: Với tựa đề “*Kệ dân của người khùng*” gồm: 476 câu thơ viết tại làng Hòa Hảo vào ngày 12 tháng 09 năm 1939. Nội dung quyển này, Huỳnh Phú Sổ lên án các hoạt động mê tín dị đoan đang lan tràn, khuyên mọi người tu niệm để được cứu rỗi những ngày hạ nguyên tận diệt.

Quyển 3: Với tựa đề “*Sám giảng*” gồm: 612 câu thơ viết tại làng Hòa Hảo vào cuối năm 1939. Nội dung quyển này, Huỳnh Phú Sổ phê phán những thói xấu bị lôi cuốn theo đời sống vật chất tầm thường, đồng thời khuyên mọi người tu nhân tích đức để chuyển nghiệp.

^{*}. Ths., Trung tâm Bồi Dưỡng Chính trị Tp Cần Thơ.

Quyển 4: Với tựa đề “*Giác mê tâm kệ*” gồm: 846 câu thơ viết vào cuối năm 1939 tại làng Hòa Hảo. Nội dung quyển này, Huỳnh Phú Sổ thuyết giảng về giáo lý nhà Phật như Tứ diệu đế, Ngũ uẩn, Bát chánh đạo, v.v... để người đời tu học.

Quyển 5: Với tựa đề “*Khuyết thiện*” gồm: 776 câu thơ được viết vào năm 1941 tại Chợ Quán, Sài Gòn. Nội dung quyển này, Huỳnh Phú Sổ kể lại thân thế sự nghiệp của Phật Thích Ca để từ đó khuyên mọi người hãy noi gương Phật Thích Ca tu hành theo pháp môn Tịnh độ.

Quyển 6: Với tựa đề “*Cách tu hiền và sự ăn ở của một người bốn đạo*” được viết tại Sài Gòn vào tháng 5 năm 1945 bằng văn xuôi theo kiểu tản văn. Nội dung quyển này, Huỳnh Phú Sổ giải thích thêm về Tứ ân, Tam nghiệp, Thập thiện, Bát Chánh đạo cùng các nghi thức cúng lễ và hành đạo.

Phần **thi văn giáo lý** gồm 253 bài văn vần và văn xuôi được xếp theo thứ tự thời gian từ 1939-1947. Tên gọi của phần thi văn do những người biên tập đặt ra sau này cho dễ phân biệt với phần sám giảng. Đối với tín đồ Phật giáo Hòa Hảo. Sám giảng được coi là sự mạc khải của Tiên Phật cho con người mà Đức Huỳnh Giáo chủ linh ứng, còn thi văn là lời luận giải giáo lý của Đức Huỳnh Giáo chủ. Thực ra phần thi văn chỉ là những bài thơ tả cảnh hoặc những tâm sự của Huỳnh Phú Sổ về xã hội, thời vận, mang nội dung giáo lý. Thậm chí có những bài nói về quan niệm chính trị xã hội như tổ chức Việt Nam Phật giáo Liên hiệp hội; tuyên ngôn Đảng Dân chủ xã hội.

Được biết trong số những bài thơ của Huỳnh Phú Sổ có sự giúp đỡ của người

bạn thơ cộng sự của Huỳnh Phú Sổ - Thi sĩ Việt Châu (Phạm Xuân Thiếp). Sám giảng được xuất bản vào năm 1966 và đến năm 2004 Ban trị Trung ương Phật giáo Hòa Hảo, Ban Phổ truyền giáo lý cùng Nhà xuất bản Tôn giáo sưu tầm và giới thiệu.

Theo sám giảng, giáo lý Phật giáo Hòa Hảo gồm hai phần *Học Phật* và *Tu Nhân*, nhưng có ý kiến cho rằng nếu gọi giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo thì chỉ có phần Học Phật, còn phần Tu Nhân chỉ là cách thức sống đạo. Theo chúng tôi, cả hai cách giải thích đều có lý.

a) Phần *Học Phật*

Phật giáo Hòa Hảo cho rằng học Phật tập trung ở 3 pháp môn chính là ác pháp, Chân pháp và Thiện pháp.

* *Ác pháp:* là các pháp làm trở ngại cho thiện pháp, làm ô nhiễm thân tâm, gây nên tội lỗi khiến cho con người vướng mãi trong vòng luân hồi sinh tử. Thuộc về ác pháp có các lý thuyết như:

- Tam nghiệp là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp tạo ra mười điều ác: sát sinh, trộm cắp, tà dâm thuộc về ác của thân; nói dối, nói hai mặt, nói điều ác, nói khoác lác thuộc về ác của khẩu; tham lam, giận dữ, mê si thuộc về ác của ý.

- Thất tình là bảy trạng thái của tình cảm: buồn, yêu, ghét, vui, giận, sướng, muốn (ai, ái, ố, hỉ, nộ, lạc, dục).

- Lục dục là sáu điều ham muốn: danh, tài, sắc, hư, tật, lạc.

- Ngũ uẩn là năm thứ mê hoặc tham, sân, si, nhân, ngã mà trở nên dần dần, ngu si, tối tăm cản trở con người đến chỗ siêu thoát. (Nguyên gốc Ngũ uẩn là lý thuyết rất quan trọng của Phật giáo nói

về năm yếu tố gồm: sắc, thụ, tướng, hành, thức tạo nên con người, nếu Ngũ uẩn kết hợp lại thì con người sinh, nếu Ngũ uẩn tan rã thì con người diệt).

- Tứ đồ tường là bốn bức tường làm cho con người sa ngã, tẩm tối, tội lỗi: cờ bạc, rượu chè, trai gái, danh vọng.

* *Chân pháp*: là pháp phá tan những mê hoặc tối tăm để bừng sáng về trí tuệ tiến tới giác ngộ tâm lí; thuộc về chân pháp có các thuyết như:

- Tứ diệu đế⁽¹⁾ là bốn chân lí: Huỳnh Phú Sổ cũng nhìn nhận thuyết tứ diệu đế của Phật giáo nhưng khi thuyết giảng, Huỳnh Phú Sổ chuyển thứ tự và chỉnh nội dung như sau.

Tập đế là khi mới vào tu tập.

Diệt đế là phải diệt trừ ác pháp.

Khổ đế là nhẫn nại nhịn khổ trong tu tập.

Đạo đế là đạt đến bậc giác ngộ (thành đạo).

- Thập nhị nhân duyên là 12 nhân duyên chằng chịt tạo ra chuỗi dây nhân quả của vòng luân hồi sinh tử mà con người vướng mắc không thoát ra được.

- Ngũ trước là năm thứ như bản làm ô nhiễm nhân tâm nên mãi say đắm trong cõi trần ai tục lụy: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước. Nếu con người hiểu được nguồn gốc sự khổ, nguyên nhân của luân hồi sinh tử, nhất là thấy cõi trần cũng như cuộc đời con người là ô trước (như bản) thì không còn say đắm, vấp ngã, từ đó sẽ nhanh chóng tìm phương thức tu hành giải thoát.

* *Thiện pháp* là các pháp lành mà con người cần tu tập để gây thiện duyên, sửa trị thân tâm cho thanh sạch để chứng các

quả vị Phật; thuộc về Thiện pháp gồm có các lí thuyết như

- Bát chính đạo là tám con đường tu hành chân chính nếu ai theo sẽ diệt trừ được ác pháp do thân, khẩu, ý, tạo ra. Cụ thể: Chính kiến, Chính nghiệp, Chính mạng sẽ diệt trừ ác pháp về khẩu; Chính tư duy, Chính tinh tiến, Chính định, Chính niệm sẽ diệt trừ các ác pháp về ý.

- Bát nhẫn là tám điều nhẫn nhịn để vượt qua những thử thách trong xử thế và trong tu tập:

Nhẫn năng xử thế là giữ cách xử sự với đời.

Nhẫn giới là giữ nghiêm giới luật.

Nhẫn hương lân là giữ hòa khí đối với cộng đồng làng xóm.

Nhẫn phụ mẫu là giữ đức kính trọng hiếu thảo với cha mẹ.

Nhẫn tâm là giữ lòng an bình.

Nhẫn tính là giữ cho tính tình điềm đạm.

Nhẫn đức là giữ cho đức độ hòa nhã.

Nhẫn thành là giữ thành tâm, thành tín.

Điểm đáng chú ý là giáo lí Phật giáo Hòa Hảo cũng như giáo lí của Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa đều dựa vào quan niệm của Phật giáo về thời Hạ nguyên mạt pháp và Hội Long Hoa Di Lạc. Phật giáo truyền thống chia sự phát triển của mình thành 3 thời kì:

- *Thời kì thứ nhất*: Gọi là thời kì Chính pháp kéo dài 500 năm sau khi Phật Thích Ca nhập diệt. Đây là thời kì Phật pháp

1. Nguyên gốc Tứ diệu đế là bốn chân lí cao siêu của Phật giáo nói về sự khổ của con người: khổ đế, nguồn gốc của sự khổ; tập đế, nguyên nhân của sự khổ; diệt đế: cách diệt khổ; đạo đế: con đường tu tập để giải thoát.

được duy trì vẹn vẹn, số người tu chứng đông đảo.

- *Thời kì thứ hai*: Gọi là thời kì Thượng pháp kéo dài 1000 năm tiếp theo thời kì Chính pháp; thời kì này số người tu chứng ít dần.

- *Thời kì thứ ba*: Gọi là thời kì Mạt pháp kéo dài 1500 năm tiếp theo thời kì Thượng pháp. Mạt pháp là thời kì suy vong của Phật giáo, đồng thời cũng là thời Hạ nguyên tận diệt của thế giới. Sau thời Mạt pháp sẽ đến thời Thượng nguyên, khi đó Phật Di Lặc sẽ xuất hiện mở hội thuyết pháp tại vườn cây Long Hoa (một loại cây hình con rồng, hoa vàng) cũng như trước đây Phật Thích Ca thành đạo dưới gốc cây Bồ Đề.

Nói tóm lại, phần *Học Phật* của Phật giáo Hòa Hảo cho rằng con người ta do tam nghiệp, lục dục, ngũ uẩn, v.v... nên phạm phải các điều ác, chịu đau khổ trong vòng luân hồi sinh tử. Chỉ khi nào có Chân pháp, hiểu được Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên thì mới diệt trừ ác pháp và đồng thời phải tu theo Bát Chính đạo, chịu Bát nhẫn thì mới có Thiện pháp để thoát khỏi vòng luân hồi trở thành bậc hiền nhân.

Như vậy, giáo thuyết Phật giáo Hòa Hảo - phần *Học Phật* là giáo lí cơ bản nhưng được giản lược đi nhiều và có sửa chữa cải biên. Chính giáo do thuyết này mà Phật giáo Hòa Hảo được xem là một môn phái của Phật giáo.

b) *Phần Tu Nhân*

Phần Tu Nhân, Phật giáo Hòa Hảo nhấn mạnh vào việc tu theo Tứ ân tức là bốn điều ân nghĩa: *Ân tổ tiên cha mẹ, Ân đất nước, Ân đồng bào nhân loại, Ân Tam bảo*, cụ thể:

+ *Ân tổ tiên cha mẹ*: Một con người được sinh ra nuôi dưỡng trưởng thành là nhờ công lao cha mẹ, những công sinh thành ra cha mẹ là ông bà tổ tiên, do đó, phải sống hiếu nghĩa với cha mẹ, ông bà tổ tiên. Con người phải có trách nhiệm đền ơn đáp nghĩa với cha mẹ, ông bà tổ tiên. Muốn đền ơn cha mẹ phải nghe lời răn dạy, không làm điều xấu để phiền lòng cha mẹ; phải chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ nhất là những lúc cha mẹ ốm đau, già yếu. Muốn đền ơn ông bà tổ tiên, không được làm tổn hại đến truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ. Nếu tổ tiên có làm gì sai lầm gieo đau thương cho con cháu thì phải quyết chí tu cầu để rửa nhục. Đây là điều ân nghĩa đầu tiên quan trọng nhất trong đạo Tứ Ân.

+ *Ân đất nước*: Mỗi người phải ân nghĩa với đất nước quê hương vì đó là nơi ta nuôi ta sống, ông bà tổ tiên ta thường sống, đó là nơi cho ta thuần phong mỹ tục, "nâng tâm hồn ta lên và nâng bước ta đi". Mỗi con người phải yêu đất nước, yêu quê hương, tùy theo tài lực của mình mà làm cho quê hương giàu mạnh. Mỗi con người phải có trách nhiệm bảo vệ đất nước khi bị ngoại xâm và nhất là không phản bội Tổ quốc làm tay sai cho ngoại bang.

+ *Ân đồng bào nhân loại*: Mỗi con người phải sống ân nghĩa với đồng bào của mình, những người sống trong cùng một đất nước, cùng màu da, tiếng nói, cùng tổ tiên con Rồng cháu Lạc. Phải sống ân nghĩa với những người xung quanh đã từng chia sẻ với nhau niềm vui, nỗi buồn, từng giúp đỡ nhờ cậy trong lúc khó khăn hoạn nạn. Không những thế, con người phải ân nghĩa với đồng loại, nhân sinh, không phân biệt màu da,

chúng tộc, sang hèn giàu nghèo theo tinh thần: “Từ bi hỉ xả”, “Vô ngã vị tha”, không gây thù hằn; không vì bản thân mình, dân tộc mình làm gây hại cho người khác, dân tộc khác.

+ *Ân Tam bảo*: Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng. Ân Tam bảo là ghi nhớ công ơn Phật, Pháp, Tăng đã khai mở trí tuệ, cứu vớt chúng sinh khỏi vòng trầm luân khổ ải. Bốn phận của mỗi con người phải noi theo tiền nhân tôn kính Tam bảo, tu rèn thân tâm để tiến tới trên con đường giải thoát.

Như vậy, với những giáo thuyết như đã nói ở trên, phần Tu Nhân của Phật giáo Hòa Hảo là sự kế thừa tiếp nối tư tưởng “*Tứ đại trọng ân*” của Phật Thầy Tây An, trực tiếp là đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của Ngô Lợi.

Phật giáo Hòa Hảo chủ trương vừa học Phật vừa tu Nhân: Học Phật tạo nên Đức, Tu Nhân tạo nên Công. Có công đức mới nhanh chóng trở thành bậc hiền nhân được. Tuy nhiên, trong hai phần học Phật và tu Nhân, Phật giáo Hòa Hảo đặc biệt coi trọng tu Nhân. Phật giáo Hòa Hảo cho rằng, việc tu hành phải dựa trên căn bản đạo đức, trước hết là đạo làm người vì “Thiên kinh vạn điển, hiếu nghĩa vi tiên” (ngàn vạn quyển sách đều nói hiếu nghĩa làm đầu). Thậm chí không thực hiện tu Nhân thì không có học Phật được, hoặc có học Phật được cũng chẳng có ý nghĩa gì vì “Dục tu Tiên đạo, Tiên tu Nhân đạo, Nhân đạo bất tu, Tiên đạo viên kỳ” (muốn tu thành Tiên Phật, trước hết phải tu đạo làm người, đạo người mà không tu thì Tiên Phật còn xa vời).

Với nội dung giáo lý học Phật, tu Nhân, Huỳnh Phú Sổ cho rằng Phật giáo

Hòa Hảo là một môn phái đặc sắc nhất trong các môn phái của Phật giáo. Nó sẽ khắc phục được những hạn chế của Phật giáo vì có quá nhiều kinh sách, triết lý cao siêu trừu tượng chỉ phù hợp việc giáo hóa cho một số ít người có điều kiện xuất gia tu hành. Phật giáo Hòa Hảo có tính chất phổ quát phù hợp với “căn cơ” của đại đa số chúng sinh, những cư sĩ tại gia “thiếu căn”, “thiếu phước” trong hoàn cảnh cấp bách của thời kỳ Hạ nguyên Mặt phát này. Pháp môn học Phật, tu Nhân của Phật giáo Hòa Hảo sẽ nhanh chóng đào tạo ra nhiều người hiền có công đức trong chúng sinh để kịp về dự hội Long Hoa thời Thượng nguyên sắp khai mở. Khi trở thành dân nước Phật, hưởng an lạc trong cõi Thượng nguyên, lúc đó có điều kiện sẽ tiếp tục tu tập để đạt các quả vị Phật, cũng không muộn.

2. Giáo luật của Phật giáo Hòa Hảo

Tín đồ tôn trọng những giáo luật của Phật giáo Hòa Hảo, cụ thể là “ngũ giới”. Đặc biệt, nó đưa ra những điều quy định cụ thể, với những lời khuyên bảo, nhằm rèn luyện tín đồ trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội. Điều đó được thể hiện nhiều nội dung khác nhau trong các sấm giảng của Huỳnh Phú Sổ, nhưng rất tập trung trong “*Lời khuyên bốn đạo*”.

Hàng tháng tín đồ phải ăn chay, có thể là 2 ngày, 6 ngày (lục chay), 10 ngày (thập chay), hoặc thường xuyên (trường chay). Ngoài ra, trong khi tín đồ kiêng ăn thịt trâu, chó, bò (ngày nay không còn có mấy người kiêng nữa), không được dùng rượu, hút thuốc phiện, cờ bạc, v.v... nam tín đồ được khuyên để tóc dài, nhưng không phải là một quy định bắt buộc.

Những quy định khác của Phật giáo Hòa Hảo, như tang, ma, cưới, hỏi, v.v... đều rất đơn giản, gọn gàng, tiết kiệm. Giáo luật của Phật giáo Hòa Hảo, chủ yếu bằng những lời khuyên nên và không nên, nhưng có sức “chế tài” cao bởi tính định hướng rất rõ bởi lợi ích tín đồ nhận được từ cuộc sống thực tế thường nhật của mỗi người, mỗi gia đình tín đồ.

Trong cuộc sống tín đồ Phật giáo Hòa Hảo thực hiện tám lời khuyên bốn đạo của Huỳnh Phú Sổ, xem đó như giới luật của đạo.

Thờ cúng, lễ nghi và cư xử ở Nam Bộ, nhất là ở An Giang nơi ra đời của Phật giáo Hòa Hảo, biểu hiện trước tiên khi ta đến nơi này là thấy nhà nào ở trước cửa cũng có một bàn thông thiên với lư hương (chân nhang), lọ cắm hoa, ba chung đựng nước để mỗi ngày người tín đồ cầu nguyện 2 lượt 6 giờ tối và 5 giờ sáng. Trong mỗi nhà của tín đồ, bàn thờ chính diện (gọi là tử thờ) có thờ “Trần Đà” được lồng trong khung kiếng hình chữ nhật để sát vách phía trong bàn thờ; phía trước “Trần Đà” là lư hương, chung nước hay có thêm 3 li đựng bông (thông thường là đựng bông trang) vào các ngày lễ, ngày rằm, 30 âm lịch. Đối với chân dung Huỳnh Phú Sổ được “an vị” phía trên góc trái của tử thờ từ ngoài nhìn vào, có nhà treo cả hai ảnh 2 bên của tử thờ, trước bức chân dung là lọ cắm hoa, chung đựng nước không có nhang vì tín đồ cho rằng Đức Giáo chủ bất tử. *Các bài cúng* gồm: Bài cầu nguyện trước bàn thờ ông bà, bài cầu nguyện trước bàn thờ Phật và bài cầu nguyện trước bàn thông thiên, mỗi một bài cầu nguyện đều có nội dung khác nhau với ý nghĩa tôn kính và linh thiêng. Trước khi cầu nguyện, tín đồ

cắm hương, đứng thẳng xá ba xá, rồi quỳ xuống chấp tay đưa lên trán cầu nguyện. Riêng bàn thông thiên thì tín đồ cầu nguyện 4 hướng, chính bàn thông thiên tín đồ đọc bài quy y, còn lại 3 hướng trên đọc bài Tây thi ngũ nguyện.

Trang phục Không ít người hiểu không đúng cách trang phục của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, cho rằng tín đồ thường mặc áo bà ba, để tóc búi hoặc dài chấm ngang vai. Cách thờ phụng, hành lễ và ăn ở của tín đồ Phật giáo Hòa Hảo đã được Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ quan niệm: “Tất cả bốn đạo nên biết rằng Thầy không buộc phải để tóc vì đó là phong tục chứ chẳng phải vì tôn giáo”. Thầy không chịu ảnh hưởng cái thời cận bã của Phương Tây, nên nhiều người trong bốn đạo yêu mến thầy liền bắt chước, vì thế một số người hiểu lầm để tóc là tu, để tóc là để tóc và tu không phải là để tóc, để tóc không phải là tu. Nếu để tóc mà không chịu tu tâm sửa tánh cũng chẳng phải kẻ tu hành. Từ nay trở đi thoát khỏi ách người Pháp và tùy theo phong trào tiến hóa của nước nhà, Thầy cho phép tự do cải cách hầu để hòa hợp với lương dân và với các tôn giáo khác trong vùng.

3. Lễ nghi của Phật giáo Hòa Hảo

Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo là cư sĩ tại gia nên việc hành đạo rất đơn giản, chủ yếu tiến hành ở gia đình như thờ Phật, thờ ông bà tổ tiên, thờ các vị anh hùng dân tộc nhưng Phật giáo Hòa Hảo không thờ thần thánh nếu không rõ lí lịch.

Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo thờ Phật nhưng không bằng cốt, tranh ảnh chỉ thờ tấm vải “Trần Đà” thay cho tấm vải “Trần Diệu” của Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương với cùng một quan niệm *Phật tức*

tâm, Tâm tức Phật. Huỳnh Phú Sổ đã giải thích việc đổi thờ “Thần Điều” thành “Trần Đà” như sau:

Từ trước chúng ta thờ “Trần Điều” là di tích của Phật Thấy Tây An để lại. Nhưng gần đây có nhiều kẻ sai phép, sai tôn chỉ của Đức Phật, nên toàn thể trong đạo chúng ta đổi màu da. Lại nữa, từ trước đến giờ các sư vẫn dùng màu da để biểu hiện cho sự thoát tục của mình và màu ấy là màu kết hợp của tất cả các màu sắc khác nên có thể tượng trưng cho sự hòa hợp với nhân loại, không phân biệt chủng tộc và cá nhân.

Mỗi gia đình tín đồ Phật giáo Hòa Hảo có ba bàn thờ; bàn thờ Phật ở cao nhất chỉ treo tấm “Trần Đà”, bàn thờ tổ tiên đặt dưới bàn thờ Phật, bàn thờ thông thiên, thờ ngoài trời ở trước cửa nhà. Sau này tín đồ Phật giáo Hòa Hảo thờ ảnh Huỳnh Phú Sổ, đặt dưới “Trần Đà”.

Về lá cờ: Biểu tượng thiêng liêng của Phật giáo Hòa Hảo, hiện nay theo điều 18, 19 Hiến chương Phật giáo Hòa Hảo: “Đạo kỳ của Phật giáo Hòa Hảo màu da, chất liệu bằng vải, bề ngang bằng 2/3 chiều dài được treo trong khuôn viên của Phật giáo Hòa Hảo và địa điểm làm lễ vào những ngày lễ trọng của Phật giáo Hòa Hảo. Biểu tượng của Phật giáo Hòa Hảo là một hình tròn, nên màu da có vòng chữ viên: PHẬT GIÁO HÒA HẢO màu vàng và bông sen trắng nở 4 cánh ở chính giữa”.

Phẩm vật khi cúng trời đất ở bàn thông thiên chỉ có hương, hoa (bông trang hoặc vạn thọ), nước lạnh (nước mưa). Nước mưa thể hiện sự trong sạch, hoa thể hiện sự tinh khiết, hương thơm xua đuổi tà khí. Lễ phẩm cúng ông bà tổ

tiên làm đồ chay hoặc mặn tùy ý. Huỳnh Phú Sổ khuyên tín đồ không nên làm giỗ linh đình tốn kém, bởi thánh thần và người chết không ăn mặc được những thứ đó. Đặc biệt Phật giáo Hòa Hảo tuyệt đối không dùng vàng mã trong đám giỗ, cho rằng đó là điều giả tạo, lãng phí và không cần thiết.

Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo không sử dụng kinh của Phật giáo mà chỉ đọc sấm giảng của Huỳnh Phú Sổ và niệm Lục tự Di Đà (sáu chữ: Nam Mô A Di Đà Phật) để tịnh tâm. Do cách hành đạo niệm Lục tự Di Đà nên Phật giáo Hòa Hảo tự nhận mình là *Pháp môn Tịnh độ Phật học tu nhân*.

Tín đồ không lạy người lúc sống, trừ ông bà cha mẹ, Phật Thấy Tây An, Huỳnh Phú Sổ; tín đồ lạy bằng cách ngửa lòng bàn tay vì họ tin rằng những vị ấy không chết. Phật giáo Hòa Hảo có các bài nguyện trước bàn thờ Phật, bàn thờ tổ tiên và bàn thông thiên. Khi làm lễ, tín đồ cầm hương vái ba vái rồi quỳ xuống khấn, lần lượt vái cả bốn hướng; không phải quỳ lạy nếu đang yếu mệt hoặc khi đi xa thì chỉ cần cầu nguyện trong tâm cũng được, kết thúc nghi lễ lạy bốn lạy.

Các ngày lễ chính của Phật giáo Hòa Hảo tính theo âm lịch:

- Ngày 1 tháng giêng (Tết Nguyên đán)
- Ngày 15 tháng giêng (lễ Thượng nguyên)
- Ngày 25 tháng hai (ngày Huỳnh Phú Sổ thọ mạng)
- Ngày 08 tháng tư (lễ Phật đản) nay đổi sang Rằm tháng tư
- Ngày 18 tháng năm (lễ khai đạo Phật giáo Hòa Hảo)

- Ngày 15 tháng bảy (lễ Trung nguyên).

- Ngày 12 tháng tám (lễ Phật Thầy Tây An)

- Ngày 15 tháng mười (lễ Hạ nguyên)

- Ngày 08 tháng mười hai (Đức Phật Thích Ca thành đạo)

Ngoài những vấn đề nêu trên, Phật giáo Hòa Hảo còn đề cập đến nhiều phương diện khác nhau của đời sống xã hội với một thái độ tích cực như không chơi cờ bạc, hút thuốc phiện, mê tín dị đoan. Phật giáo Hòa Hảo còn khuyến tín đồ chăm học chữ quốc ngữ để mở rộng kiến thức giúp cho việc tu học. Phật giáo Hòa Hảo khuyến tín đồ rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh vì “Thần thánh” chỉ gần những người trong sạch, nếu ai muốn được tiếp độ thì phải trong sạch cả tinh thần lẫn vật chất. Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo không bắt mọi người để tóc dài, tín đồ làm theo Huỳnh Phú Sổ, mặt khác để chứng tỏ không chịu ảnh hưởng văn minh Phương Tây nên đa số nam tín đồ để tóc dài búi tó. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo thường mặc áo bà ba, áo dài màu đen hoặc màu dàu. Trong các ngày lễ trọng, họ thường mặc áo trắng để thể hiện sự thanh khiết, thành kính.

Trước đây, Phật giáo Hòa Hảo quy định về nghi thức xin vào và ra “đạo” khá chặt chẽ, gần giống như các tổ chức chính trị. Người muốn vào cần có một số điều kiện như: phải tự nguyện, tuổi từ

18 trở lên, viết đơn xin, phải có hai bốn đạo cũ giới thiệu, bảo lãnh, phải thông báo cho gia đình biết. Người vào đạo phải nguyện trước bàn thờ tổ tiên, tuyên thệ trước Tam bảo “giữ gìn một đời, một “đạo” đến ngày chung thân”. Sau khi vào “đạo” mỗi người được nhận thẻ tín đồ, được tham gia sinh hoạt và đóng nguyệt liêm.

Tóm lại, Phật giáo Hòa Hảo tuy là một tôn giáo cận đại nhưng lại có bề dày nguồn cội và truyền thuyết theo đức tin của tín đồ là những điều huyền bí, nhiệm mầu. Tất cả những huyền thoại, những điều kì diệu ấy giúp cho Phật giáo Hòa Hảo cấu thành một tôn giáo và thật sự cũng không thể nói khác hơn được. Bởi thế, trong thực tế đã chứng minh một cách khách quan, trung thực Phật giáo Hòa Hảo ra đời gắn với sự thăng trầm của lịch sử dân tộc. Bất kì một tôn giáo, đảng phái hay một tổ chức chính trị nào, ở đâu cũng có kẻ xấu, người tốt. Đạo luôn đi với đời, tồn tại song hành với từng chế độ chính trị; đạo ở thời điểm nào cũng có con người và những khuynh hướng thời điểm đó, nhưng những thời điểm đó rồi cũng qua đi, con người đó rồi cũng sẽ mất, chỉ có chân lí, chính nghĩa, lòng vị tha, độ lượng; xóa đi mặc cảm, hận thù mới đưa con người đi đến tiến bộ và phát triển; đó mới là con đường, hướng giải quyết để lại kết cuộc tốt đẹp cho hậu thế, mới là chân lí vĩnh hằng/.